

Bản án số: 326/2025/HS-PT

Ngày: 31/12/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hà

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Bình

2. Ông Trịnh Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thoán - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự phúc thẩm thụ lý số: 327/2025/TLPT- HS ngày 10/11/2025 đối với bị cáo Văn Thanh H về tội “*Trốn thuế*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 72/2025/HS - ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: VĂN THANH H, sinh ngày 11/5/1984 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi thường trú: Tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn Bá T, sinh năm 1955 và bà Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn Thị Hà M, sinh năm 1986 (Đã ly hôn) và 03 con, lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số: 03/QĐ -VKSDN-P1 ngày 06/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đình chỉ vụ án đối với bị can về hành vi “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Bị cáo đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Bùi Thị Lệ Q không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Hà M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

2. Công ty TNHH T2.

Người Đại diện theo pháp luật: Ông Văn Thanh H - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Lô C Khu công nghiệp H, tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk) - Có mặt.

3. Thuế tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T1. Chức vụ: Trưởng thuế tỉnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Bảo Y. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 1. Địa chỉ: Số A đường L, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Văn Thanh H - N là Giám đốc, là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH T2 (viết tắt: Công ty T2); Mã số thuế: 6001628863, địa chỉ: Lô C Khu công nghiệp H, tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk). Công ty T2 được thành lập vào ngày 16 tháng 11 năm 2018, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, ngành nghề kinh doanh: Thi công, lắp đặt điện năng lượng mặt trời; hình thức kê khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế hàng quý tại Cục thuế tỉnh Đ. Bùi Thị Lệ Q, nguyên là Kế toán của Công ty T2 (nhưng không ký hợp đồng lao động) có nhiệm vụ thực hiện các thủ tục thuế, tập hợp, kiểm tra hóa đơn chứng từ, lập hồ sơ, kê khai, báo cáo thuế định kỳ hàng quý, năm, đại diện giải trình hồ sơ, số liệu và làm việc với cơ quan thuế. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến nay, Công ty T2 đã tạm ngừng kinh doanh vì lý do: Kinh doanh không hiệu quả.

Vào năm 2019 và năm 2020, Công ty T2 thi công các dự án điện năng lượng mặt trời tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông. Trong quá trình thi công, Văn Thanh H thuê nhiều nhân công lao động tự do tại địa phương để thực hiện thi công trình, nhưng vì số nhân công này không xuất được hóa đơn GTGT để thanh quyết toán, nên sau khi hoàn thành nghiệm thu công trình, thì Văn Thanh H và Bùi Thị Lệ Q đã nảy sinh ý định mua hóa đơn GTGT không để hợp thức hóa đầu vào đối với chi phí thuê nhân công trên, đồng thời sử dụng để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào, làm tăng số tiền thuế được khấu trừ cho Công ty. Thông qua mối quan hệ với những cá nhân, tổ chức cùng hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, điện năng lượng mặt trời, H nhờ tìm kiếm doanh nghiệp có thể xuất hoá đơn GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ là chi phí nhân công và được giới thiệu Công ty TNHH T3, địa chỉ số C, tổ B, khối D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là xã C, tỉnh Lâm Đồng) và Công ty TNHH T3, địa chỉ số A H, tổ D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là xã C, tỉnh Lâm Đồng), là các doanh nghiệp có thể xuất hoá đơn GTGT hợp pháp, đã xuất được cho nhiều công ty khác. Do không am hiểu về hoá đơn, chứng từ kế toán, nên H đã chỉ đạo Bùi Thị Lệ Q liên lạc, trao đổi với bên

phía Công ty TNHH T3 và Công ty TNHH T3 để thoả thuận về việc mua bán hoá đơn và hợp thức hoá việc mua bán hoá đơn cho đúng quy định. Sau đó, hai bên thoả thuận, thống nhất chi phí xuất (bán) hoá đơn là 9,5% giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn. Quỳnh gửi thông tin gồm: Tên, mã số thuế, địa chỉ của Công ty T2, nội dung cần ghi trên hoá đơn, thời gian và số lượng hoá đơn cần xuất qua ứng dụng Zalo cho bên bán hoá đơn. Sau đó, Công ty TNHH T3, mã số thuế: 6400395593 đã xuất tổng cộng **03** hoá đơn GTGT số 0000241, mẫu số NN18P, ngày 05 tháng 9 năm 2019; số 0000245, mẫu số NN18P, ngày 15 tháng 9 năm 2019; số 0000252, mẫu số NN18P, ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Công ty TNHH T3, với tổng giá trị thanh toán là **275.000.000** đồng. Trong đó, giá trị hàng hoá là **250.000.000** đồng và thuế GTGT là **25.000.000** đồng cho Công ty T2. Công ty TNHH T3, mã số thuế: 6400421973 xuất tổng cộng **07** hoá đơn GTGT số 0000067, mẫu số NN20E, ngày 27 tháng 10 năm 2020; số 0000068, mẫu số NN20E, ngày 29 tháng 10 năm 2020; số 0000071, mẫu số NN20E, ngày 30 tháng 10 năm 2020; số 0000072, mẫu số NN20E, ngày 30 tháng 10 năm 2020; số 0000073, mẫu số NN20E, ngày 30 tháng 10 năm 2020; số 0000083, mẫu số NN20E, ngày 05 tháng 11 năm 2020; số 0000088, mẫu số NN20E, ngày 10 tháng 11 năm 2020, với tổng giá trị thanh toán là **6.141.960.000** đồng. Trong đó, giá trị hàng hoá là **5.583.600.000** đồng và thuế GTGT là **558.360.000** đồng cho Công ty T2. Sau khi nhận và kiểm tra các hoá đơn thấy đúng nội dung yêu cầu cần xuất, thì Q đã báo lại cho H, rồi H chuyển số tiền **554.192.000** đồng cho Q để thanh toán tiền mua hoá đơn. Đồng thời, H chỉ đạo Q lập tờ khai thuế, sử dụng 03 hoá đơn GTGT của Công ty TNHH T3 để kê khai hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty T2 tại kỳ tính thuế quý 3 năm 2019 và 07 hoá đơn GTGT của Công ty TNHH T3 để kê khai hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty T2 tại kỳ tính thuế quý 4 năm 2020, rồi nộp lên trangthuedientu.gov.gdt.vn của T4.

Trong quá trình quản lý thuế, ngày 21 tháng 5 năm 2021, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ ban hành Quyết định kiểm tra số 1367/QĐ-CT, về việc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế tại Công ty T2, từ ngày 16 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Kết quả kiểm tra thể hiện: Trong năm 2019 và năm 2020, Công ty T2 sử dụng 03 hoá đơn GTGT của Công ty TNHH T3, với tổng giá trị hàng hoá dịch vụ là **275.000.000** đồng (bao gồm VAT), để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào ở kỳ khai thuế quý 3 năm 2019 và 07 hoá đơn GTGT của Công ty TNHH T3, với tổng giá trị hàng hoá dịch vụ là **6.141.960.000** đồng (bao gồm VAT), để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào ở kỳ khai thuế quý 4 năm 2020 cho Công ty T2, nhưng không đưa vào chi phí xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoá đơn nêu trên. Ngày 07 tháng 9 năm 2022, H được biết Công ty TNHH T3 và Công ty TNHH T3 là các Công ty “ma”, thực tế không có hoạt động kinh doanh, nên H đã chỉ đạo cho Q thực hiện kê khai điều chỉnh loại 10 hoá

đơn GTGT trên, không đưa vào kê khai báo cáo thuế, làm giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, dẫn đến phát sinh số thuế GTGT phải nộp là **583.427.026** đồng.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Văn Thanh H và Bùi Thị Lệ Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trên của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập. Hiện nay, Công ty T2 đang tạm ngừng kinh doanh, Văn Thanh H vẫn chưa nộp số tiền đã gây thiệt hại về thuế do hành vi phạm tội của mình gây ra. Để đảm bảo việc chấp hành hình phạt và bồi thường thiệt hại, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tài sản của Văn Thanh H, nhưng hiện nay H không có tài sản đảm bảo khắc phục hậu quả, nộp lại số tiền thuế trên.

* Tại Kết luận giám định số 2798/CTĐLA-TTKT1 ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Cục thuế tỉnh Đ, kết luận:

Việc Công ty TNHH T2 sử dụng 03 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T3 để kê khai thuế GTGT hàng hóa dịch vụ mua vào được khấu trừ tại kỳ kê khai thuế quý 3/2029 (nộp tờ khai lần đầu vào ngày 30/10/2019) là hành vi sử dụng bất hợp pháp hoá đơn theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ T5 và sử dụng 07 Hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T3 để kê khai thuế GTGT hàng hóa dịch vụ mua vào được khấu trừ tại kỳ kê khai thuế quý 4/2020 (nộp tờ khai lần đầu vào ngày 30/01/2021, nộp tờ khai bổ sung lần 1 ngày 07/5/2021, nộp tờ khai bổ sung lần 2 ngày 01/6/2021) là hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Việc Công ty TNHH T2 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT hàng hóa dịch vụ mua vào đối với 03 Hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T3 và 07 Hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T3 sau khi cơ quan Thuế đã công bố Quyết định kiểm tra thuế, dẫn đến tăng thuế GTGT phải nộp tại kỳ Quý 4/2020, với số tiền: 583.427.026 đồng và đơn vị chưa nộp tiền vào Ngân sách nhà nước là hành vi trốn thuế.

- Theo quy định tại khoản 9 Điều 7 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 quy định về nghĩa vụ người nộp thuế và khoản 9 Điều 17 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định trách nhiệm của người nộp thuế thì người nộp thuế (Công ty TNHH T2) phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền thay mặt người nộp thuế thực hiện thủ tục về thuế sai quy định.

* Tại Biên bản làm việc ngày 10 tháng 12 năm 2024, về nội dung: Làm rõ một số nội dung liên quan đến Kết luận giám định số 2798/CTĐLA-TTKT1 ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Cục thuế tỉnh Đ, đã xác định:

Việc Công ty TNHH T2, MST 6001628863, địa chỉ: Lô C Khu công nghiệp H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk sử dụng bất hợp pháp **03** hoá đơn GTGT của Công ty TNHH T3, mã số thuế: 6400395593, địa chỉ: Số C, tổ B, khối D, thị trấn

E, huyện C, tỉnh Đắk Nông có tổng giá trị thanh toán là **275.000.000** đồng, trong đó giá trị hàng hoá là 250.000.000 đồng và thuế GTGT là **25.000.000** đồng để kê khai thuế GTGT tại kỳ tính thuế quý 3 năm 2019 làm tăng số tiền thuế GTGT được khấu trừ với số tiền **25.000.000** đồng tại quý 3 năm 2019 (vào ngày 31 tháng 10 năm 2019) là hành vi trốn thuế.

Ngoài ra, Công ty TNHH T2, MST 6001628863, địa chỉ: Lô C Khu công nghiệp H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk sử dụng không hợp pháp 07 hoá đơn GTGT số 0000067, mẫu số NN20E, ngày 27 tháng 10 năm 2020; số 0000068, mẫu số NN20E, ngày 29 tháng 10 năm 2020; số 0000071, mẫu số NN20E, ngày 30 tháng 10 năm 2020; số 0000072, mẫu số NN20E, ngày 30 tháng 10 năm 2020; số 0000073, mẫu số NN20E, ngày 30 tháng 10 năm 2020; số 0000083, mẫu số NN20E, ngày 05 tháng 11 năm 2020; số 0000088, mẫu số NN20E, ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Công ty TNHH T3, với tổng giá trị thanh toán là **6.141.960.000** đồng. Trong đó, giá trị hàng hoá là **5.583.600.000** đồng và thuế GTGT là **558.360.000** đồng, để kê khai thuế GTGT tại kỳ tính thuế quý 4 năm 2020 làm tăng số tiền thuế GTGT được khấu trừ với số tiền **558.360.000** đồng tại quý 4 năm 2020 (vào ngày 31 tháng 01 năm 2021) là hành vi trốn thuế.

Việc Công ty T2 sử dụng không hợp pháp 10 hoá đơn GTGT trên để kê khai thuế là hành vi trốn thuế, cụ thể trốn thuế số tiền 25.000.000 đồng tại kỳ tính thuế quý 3 năm 2019 (tăng thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang quý 4 năm 2019) và trốn thuế số tiền 558.360.000 đồng tại kỳ tính thuế quý 4 năm 2020 (giảm số tiền thuế GTGT phải nộp tại quý 4 năm 2020).

Tại điểm d khoản 2 mục II Kết luận giám định số 2798/CTĐLA-TTKT1 ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Cục Thuế tỉnh Đ thể hiện số tiền thuế GTGT mà Công ty T2 phải nộp là **583.427.026** đồng tại quý 4 năm 2020, đây là thời điểm phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp, vì tại quý 3 năm 2019, Công ty T2 còn được khấu trừ thuế GTGT chuyển kỳ sau nên không phát sinh nghĩa vụ phải nộp.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 72/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Văn Thanh H phạm tội “Trốn thuế”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200 điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Văn Thanh H 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị Lê Q, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2025, bị cáo Văn Thanh H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo hoặc phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Văn Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Văn Thanh H về tội “*Trốn thuế*” theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã chủ động nộp thêm số tiền 40.000.000 đồng là hình phạt bổ sung; ngoài ra, bị cáo H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo H. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo Văn Thanh H 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo hoặc phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Văn Thanh H tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng quý 4 năm 2020, Văn Thanh H là Giám đốc và Bùi Thị Lệ Q là kế toán của Công ty T2 đã sử dụng không hợp pháp 07 hoá đơn GTGT số 0000067, mẫu số NN20E, ngày 27/10/2020; số 0000068, mẫu số NN20E, ngày 29/10/2020; số 0000071, mẫu số NN20E, ngày 30/10/2020; số 0000072, mẫu số NN20E, ngày 30/10/2020; số 0000073, mẫu số NN20E, ngày 30/10/2020; số 0000083, mẫu số NN20E, ngày 05/11/2020; số 0000088, mẫu số NN20E, ngày 10/11/2020 của Công ty TNHH T3 với tổng giá trị thanh toán là 6.141.960.000 đồng, trong đó giá trị hàng hoá là 5.583.600.000 đồng và thuế GTGT là 558.360.000 đồng, để kê khai thuế GTGT tại kỳ tính thuế quý 4 năm 2020, làm tăng số tiền thuế GTGT được khấu trừ với số tiền 558.360.000 đồng tại quý 4 năm 2020 (vào ngày 31 tháng 01

năm 2021), để trốn thuế với số tiền 558.360.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Văn Thanh H về tội “*Trốn thuế*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo hoặc phạt tiền của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù mà Tòa án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo H nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần áp dụng bổ sung. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã chủ động nộp thêm số tiền 40.000.000 đồng là hình phạt bổ sung; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng thêm cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án về biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Văn Thanh H, sửa Bản án sơ thẩm số: 72/2025HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Văn Thanh H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Văn Thanh H cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối

hợp với chính quyền địa phương trong việc theo dõi, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Văn Thanh H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[2]. Về án phí: Bị cáo Văn Thanh H không phải án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (LLTP);
- TAND khu vực 1 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Hà